

Số: 177/GPMT-UBND

Sơn La, ngày 21 tháng 01 năm 2025

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;


Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 1324/CV-ĐG ngày 31/12/2024 của Công ty cổ phần chăn nuôi Lộc Phát - BLLT về việc chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở Trang trại chăn nuôi lợn quy mô sản xuất 10.000 lợn giống và 2.400 lợn thịt thương phẩm/năm tại bản Tiến Sơn, xã Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 11/TTr-STNMT ngày 08/01/2025 và Báo cáo số 67/BC-STNMT ngày 19/01/2025.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty cổ phần chăn nuôi Lộc Phát – BLLT (địa chỉ: Tổ 4, phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Trang trại chăn nuôi lợn quy mô sản xuất 10.000 lợn giống và 2.400 lợn thịt thương phẩm/năm tại bản Tiến Sơn, xã Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La với những nội dung như sau: 

## 1. Thông tin chung của chủ cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Trang trại chăn nuôi lợn quy mô sản xuất 10.000 lợn giống và 2.400 lợn thịt thương phẩm/năm tại bản Tiên Sơn, xã Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

1.2. Địa điểm hoạt động của cơ sở: Bản Tiên Sơn, xã Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh số: 5500420604 đăng ký lần đầu ngày 28/3/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 14/4/2022 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp.

1.4. Mã số thuế: 5500420604.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chăn nuôi và chăm sóc cây ăn quả.

1.6. Phạm vi quy mô, công suất

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án Nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/02/2022, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án Nhóm B (*phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công*).

- Tổng diện tích: 35.501,3 m<sup>2</sup>.

- Công suất:

+ Chăn nuôi lợn: 10.000 - 12.400 con/năm.

+ Trồng cây ăn quả: 12.000 m<sup>2</sup>.

- Tóm tắt quy trình công nghệ chăn nuôi và trồng cây ăn quả.

+ Quy trình công nghệ chăn nuôi lợn nái: Lợn chửa chăm sóc nuôi dưỡng (*ăn, uống, tiêm thuốc phòng, vệ sinh chuồng trại*) đẻ và nuôi con 20 ngày, một phần bán cho đơn vị có nhu cầu đưa về nuôi lợn thương phẩm một phần tách chuồng nuôi theo quy trình chăn nuôi lợn thịt.

+ Quy trình công nghệ chăn nuôi lợn thịt: Lợn con (30kg) → Kiểm tra chất lượng → Nuôi dưỡng, chăm sóc (*cung cấp thức ăn, nước uống, vệ sinh chuồng trại*) → Lợn thịt (*có trọng lượng khoảng 100 kg - 110 kg*) → Xuất bán.

+ Quy trình trồng và chăm sóc cây ăn quả: Chuẩn bị cây giống → Làm đất, đào hố → Bón phân lót → Trồng cây → Chăm sóc (*tưới cây, bón phân, phun thuốc phòng trừ sâu bệnh, tỉa cành, tỉa quả*) → Thu hoạch.

## 2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Giấy phép này. *AV*

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần chăn nuôi Lộc Phát - BLLT

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty cổ phần chăn nuôi Lộc Phát - BLLT có trách nhiệm

2.1. Chịu trách nhiệm toàn diện về các nội dung trình phê duyệt, về số liệu, tính chính xác các chỉ tiêu, thông số kỹ thuật và các kết luận của thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan pháp luật của nhà nước; đồng thời chủ động tự rà soát kiểm tra, khắc phục những nội dung sai phạm (nếu có).

2.2. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.3. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.4. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.5. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.6. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 07 năm (từ ngày 21 tháng 01 năm 2025 đến hết ngày 21 tháng 01 năm 2032).

Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 30/3/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Đầu tư xây dựng Trang trại chăn nuôi lợn quy mô sản xuất 10.000 lợn giống và 2.400 lợn thịt thương phẩm/năm tại bản Tiến Sơn, xã Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực thi hành.

**Điều 4. Sở Tài nguyên và Môi trường**

1. Chịu trách nhiệm toàn diện về số liệu, quy trình cấp Giấy phép môi trường tại Quyết định này; chịu trách nhiệm toàn diện về các kết luận của các cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan pháp luật của Nhà nước; đồng thời chủ động chỉ đạo thanh tra, kiểm tra, nếu phát hiện có sai phạm thì kịp thời báo cáo UBND tỉnh để xem xét quyết định.

2. Tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung theo Giấy phép môi trường được cấp và các yêu cầu bảo vệ môi trường đối với chủ cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. /

**Nơi nhận:**

- TT Tỉnh uỷ (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở: TN&MT, XD, NN&PTNT, KH&CN;
- UBND huyện Mai Sơn;
- Công ty cổ phần chăn nuôi Lộc Phát - BLLT;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm thông tin tỉnh (để công bố);
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT - Hiệu 20 bản.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đặng Ngọc Hậu**

**Phụ lục số 01****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 177/GPMT-UBND ngày 21/01/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI****1. Nguồn phát sinh nước thải**

## 1.1. Nước thải sinh hoạt

- Nguồn số 01: Nhà vệ sinh khu nhà ở công nhân.
- Nguồn số 02: Khu vực bếp nấu ăn.

## 1.2. Nước thải chăn nuôi

- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ chuồng nuôi lợn số 2.1.
- Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ chuồng nuôi lợn số 2.2.
- Nguồn số 05: Nước thải phát sinh từ chuồng nuôi lợn số 2.3.
- Nguồn số 06: Nước thải phát sinh từ chuồng nuôi lợn số 2.4.
- Nguồn số 07: Nước thải phát sinh từ chuồng nuôi lợn số 2.5.
- Nguồn số 08: Nước thải phát sinh từ chuồng nuôi lợn số 3.1.
- Nguồn số 09: Nước thải phát sinh từ chuồng nuôi lợn số 3.2.
- Nguồn số 10: Nước thải phát sinh từ chuồng nuôi lợn số 4.1.
- Nguồn số 11: Nước thải phát sinh từ chuồng nuôi lợn số 4.2.
- Nguồn số 12: Nước thải phát sinh từ chuồng nuôi lợn số 5.
- Nguồn số 13: Nước thải phát sinh từ chuồng nuôi lợn số 6.

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải**

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Suối Cạn, bản Tiến Sơn, xã Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

## 2.2. Vị trí xả nước thải

- Suối Cạn, bản Tiến Sơn, xã Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.
- Tọa độ vị trí xả nước thải: X: 2344311, Y: 504640 (Theo Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $104^{\circ}00'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ).

Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất là: 71,2 m<sup>3</sup>/ngày đêm, trong đó:

a) Phương thức xả thải: Nước thải sau xử lý được dẫn theo đường ống HDPE D= 200 mm có chiều dài 730 m đến điểm xả nước thải tại suối Cạn thuộc bản Tiến Sơn, xã Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La theo hình thức tự chảy.

b) Chế độ xả nước thải: Xả liên tục (24 giờ).

c) Chất lượng nước thải trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải chăn nuôi (cột B với Kq = 0,9; Kf = 1,2), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5,5 -9	Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ	
2	COD	mg/l	324		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	162		
4	BOD <sub>5</sub>	mg/l	108		
5	Tổng Nitơ (tính theo N)	mg/l	162		
6	Tổng Coliform	MNP/100 ml	5.000		

## B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Đã xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa tại các hạng mục công trình trong phạm vi của cơ sở.

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại các nhà vệ sinh được thu gom chung về 01 bể tự hoại 03 ngăn để xử lý sơ bộ, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 180 m<sup>3</sup>/ngày đêm để tiếp tục xử lý.

- Nguồn số 02 (xử lý sơ bộ qua 01 bể tách mỡ 03 ngăn dung tích 1,5 m<sup>3</sup>/bể) được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 180 m<sup>3</sup>/ngày đêm để tiếp tục xử lý.

- Nguồn số 03 đến nguồn số 13: Nước thải chăn nuôi được thu gom về Bể gom nước thải, sau đó đưa qua máy ép phân, nước thải sau ép được đưa vào Bể chứa trung gian 60 m<sup>3</sup> sang bể Biogas 3.000 m<sup>3</sup> sang Bể cân bằng 16 m<sup>3</sup> sang Bể sinh học thiếu khí 810 m<sup>3</sup> sang bể lắng cặn 320 m<sup>3</sup> rồi vào cụm xử lý công suất 180 m<sup>3</sup>/ngày đêm để tiếp tục xử lý. ✓

## 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

### a) Bể tự hoại 3 ngăn

- Tóm tắt quy trình xử lý: Nước thải đen từ bồn cầu → Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn lọc → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 180 m<sup>3</sup>/ngày đêm để tiếp tục xử lý.

- Số lượng: 02 bể, thể tích 05 m<sup>3</sup>.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chế phẩm vi sinh.

### b) Bể tách dầu

- Tóm tắt quy trình xử lý: Nước thải sinh hoạt từ khu bếp ăn → Ngăn tách rác → Ngăn tách mỡ → Ngăn chứa → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 180 m<sup>3</sup>/ngày đêm để tiếp tục xử lý.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

### c) Hệ thống xử lý nước thải tập trung

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý: Nước thải sinh hoạt và nước thải chăn nuôi (sau xử lý sơ bộ) → Bể điều hòa lưu lượng → Bể vi sinh thiếu khí số 1 → Bể vi sinh hiếu khí số 1 → Bể vi sinh thiếu khí số 2 → Bể vi sinh hiếu khí số 2 → Bể vi sinh hiếu khí số 3 → Bể lắng bùn hoạt tính → Bể lắng hóa lý → Bể khử trùng → Bể sinh học (tái sử dụng cho hoạt động tưới gốc cho cây trồng vào mùa khô) → Xả ra môi trường vào mùa mưa (suối Cạn, bản Tiến Sơn, xã Hát Lót, huyện Mai Sơn).

- Số lượng: 01 hệ thống, Công suất thiết kế: 180 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: PAC, Clo khử trùng, Mật rỉ đường, Vôi, NaOH, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại điểm c mục 2.3 Phần A của Phụ lục này.

## 1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

## 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

### a) Công trình ứng phó sự cố

- Đã xây dựng, lắp đặt 01 hồ sự cố dung tích 3.900 m<sup>3</sup> trong khuôn viên trang trại để phòng ngừa ứng phó sự cố nước thải.

- Kết cấu hồ sự cố: Hồ đất đào, đầm nén chặt lán xi măng chống thấm.

### b) Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Vận hành và thực hiện bảo dưỡng định kỳ các hệ thống xử lý nước thải, thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của các hệ thống xử lý nước thải để có biện pháp xử lý và ứng phó sự cố kịp thời. ↗

- Trang bị đầy đủ các máy móc thiết bị, vật tư dự phòng như máy bơm, máy châm hóa chất, đường ống, vải địa HDPE để thay thế kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, sự cố đối với các Bể biogas.

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh, đường ống thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Định kỳ hàng năm kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc, các công trình xử lý, hệ thống thu gom và tiêu thoát nước thải.

- Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố hoặc chất lượng nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu quy định tại điểm c mục 2.3 Phần A của Phụ lục này, sẽ bơm nước thải về hồ sự cố để lưu giữ. Sau khi khắc phục xong sự cố của hệ thống xử lý nước thải, nước thải sẽ được bơm về bể điều hòa và tiếp tục xử lý trước khi xả thải.

- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi hiệu quả xử lý của từng công đoạn xử lý, đảm bảo nước thải sau xử lý phải đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.3 Phần A của Phụ lục này.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

2.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm: Dự kiến 06 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực thi hành.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Trang trại công suất thiết kế 180 m<sup>3</sup>/ngày.

### a) Vị trí lấy mẫu

- Vị trí lấy mẫu đầu vào gồm 01 vị trí: Nước thải đầu vào bể điều hoà.

- Vị trí lấy mẫu đầu ra gồm 01 vị trí: Nước thải đầu ra tại bể Sinh học.

b) Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty cổ phần chăn nuôi Lộc Phát - BLLT phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt và hệ thống xử lý nước thải sản xuất theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại điểm c mục 2.3 Phần A của Phụ lục này và QCVN 01-195:2022/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng.

### 2.3. Tần suất lấy mẫu

Tuân thủ quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể như sau:

- Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả: Tối thiểu là 15 ngày/lần (*đo đạc, lấy và phân tích mẫu tổ hợp đầu vào và đầu ra của công trình xử lý nước thải*) trong ít nhất là 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

- Giai đoạn vận hành ổn định: Ít nhất là 01 ngày/lần (*đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và ít nhất 07 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 07 ngày liên tiếp của công trình xử lý nước thải*) trong ít nhất là 07 ngày liên tiếp.



sau giai đoạn điều chỉnh hiệu quả.

### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, tái sử dụng, xử lý nước thải (*nước thải sinh hoạt, nước thải chăn nuôi*) của cơ sở:

- Nước thải chăn nuôi tái sử dụng tưới gốc cho cây trồng phải được xử lý đạt QCVN 01-195:2022/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng (*Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*); đánh giá hợp quy và công bố hợp quy trước khi tái sử dụng theo quy định.

- Nước thải chăn nuôi xả vào môi trường phải được xử lý bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm quy định tại điểm c mục 2.3 Phần A của Phụ lục này.


3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom, xả nước thải sau xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm và vận hành công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, gửi UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường trước thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm 20 ngày.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.6. Có giải pháp kỹ thuật tại các khu vực phát sinh mùi để hạn chế mùi phát tán và đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường theo quy định của pháp luật; nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Hoàn thành trong tháng 4/2025.

3.7. Công ty cổ phần chăn nuôi Lộc Phát - BLLT chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc xả thải ra môi trường khi chưa đáp ứng quy định về xả thải theo yêu cầu tại điểm c mục 2.3 Phần A của Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục. 

**Phụ lục số 02****BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG  
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 177/GPMT-UBND ngày 21/01/2025  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG****1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 01: Khu vực chuồng nuôi lợn số 2.1.
- Nguồn số 02: Khu vực chuồng nuôi lợn số 2.2.
- Nguồn số 03: Khu vực chuồng nuôi lợn số 2.3.
- Nguồn số 04: Khu vực chuồng nuôi lợn số 2.4.
- Nguồn số 05: Khu vực chuồng nuôi lợn số 2.5.
- Nguồn số 06: Khu vực chuồng nuôi lợn số 3.1.
- Nguồn số 07: Khu vực chuồng nuôi lợn số 3.2.
- Nguồn số 08: Khu vực chuồng nuôi lợn số 4.1.
- Nguồn số 09: Khu vực chuồng nuôi lợn số 4.2.
- Nguồn số 10: Khu vực chuồng nuôi lợn số 5.
- Nguồn số 11: Khu vực chuồng nuôi lợn số 6.
- Nguồn số 12: Khu vực đặt máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 13: Khu vực xử lý nước thải.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Vị trí 01: Khu vực chuồng nuôi lợn số 2.1.
- Vị trí 02: Khu vực chuồng nuôi lợn số 2.2.
- Vị trí 03: Khu vực chuồng nuôi lợn số 2.3.
- Vị trí 04: Khu vực chuồng nuôi lợn số 2.4.
- Vị trí 05: Khu vực chuồng nuôi lợn số 2.5.
- Vị trí 06: Khu vực chuồng nuôi lợn số 3.1.
- Vị trí 07: Khu vực chuồng nuôi lợn số 3.2.
- Vị trí 08: Khu vực chuồng nuôi lợn số 4.1.
- Vị trí 09: Khu vực chuồng nuôi lợn số 4.2.
- Vị trí 10: Khu vực chuồng nuôi lợn số 5.

- Vị trí 11: Khu vực chuồng nuôi lợn số 6.
- Vị trí 12: Khu vực đặt máy phát điện dự phòng.
- Vị trí 13: Khu vực xử lý nước thải.

### **3. Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung cụ thể như sau**

3.1. Tiếng ồn nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

TT	Khu vực	Đơn vị	QCVN 26:2010/BTNMT (từ 6h - 21h)	QCVN 26:2010/BTNMT (từ 21h - 6h)
1	Khu vực thông thường	dBA	70	55

3.2. Độ rung nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung


TT	Khu vực	Đơn vị	QCVN 27:2010/BTNMT (từ 6h - 21h)	QCVN 27:2010/BTNMT (từ 21h - 6h)
1	Khu vực thông thường	dBA	70	60

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**

### **1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Tuân thủ quy trình chăn nuôi, đảm bảo thời gian cho lợn ăn đúng giờ, đúng quy trình, không để lợn đói, kêu gáy ồn.
- Thiết bị có phát sinh độ rung phải được kê các đệm chân để hạn chế độ rung.
- Trồng nhiều cây xanh xung quanh khu vực trang trại nhằm giảm thiểu tác động của tiếng ồn phát sinh từ hoạt động sản xuất của Cơ sở.

### **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.
- Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung; nâng cấp, thay thế các máy móc, thiết bị phụ trợ (*khi xuống cấp*) có phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn bằng các máy móc, thiết bị hiện đại để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đến môi trường xung quanh, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định. 

**Phụ lục số 03****YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,  
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 177/GPMT-UBND ngày 21/01/2025  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI****1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH), chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên.

TT	Loại chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Số lượng (kg/năm)
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	Rắn	130201	50
2	Hóa chất thải không bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	Rắn	130205	50
3	Chế phẩm không có chất gây độc tế bào (cytotoxic và cytostatic)	Rắn	13 02 06	40
4	Lợn chết do dịch bệnh	Rắn	14 0201	1.250
<b>Tổng</b>				<b>1.390</b>

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Loại chất thải	Số lượng (kg/năm)
1	Bao bì đựng thức ăn chăn nuôi	12.740
2	Thức ăn thừa	1.000 - 1.300
3	Bùn thải từ bể tự hoại, bể bioga, Bể sinh học, Bể điều hoà lưu lượng	200.000
4	Xác lợn chết không do dịch bệnh, nhau thai lợn	4.000 - 4.500
5	Dụng cụ chăn nuôi hỏng các loại: Máng lợn ăn, nùm uống...	500
6	Lá cây, cành cây từ hoạt động trồng trọt	2.000
7	Bao bì chứa phân từ hoạt động trồng trọt	100

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 180 kg/năm. 

## **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại**

### 2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

a) Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa, bao bì chống thấm.

b) Kho lưu chứa

- Số lượng: 01 kho.

- Diện tích kho: 18 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo: Tường xây gạch kiên cố, mái che bằng tôn, mặt sàn kín khít, có gờ chống tràn để tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có thiết bị phòng cháy chữa cháy; có rãnh và hố thu gom chất lỏng chảy tràn; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo quy định.

- Thực hiện đúng trách nhiệm trong việc quản lý và xử lý chất thải nguy hại quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

### 2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

a) Đối với chất thải là phân lợn

- Thiết bị lưu chứa: bao bì chống thấm.

- Kho lưu chứa

+ Số lượng: 01 kho.

+ Diện tích: 150 m<sup>2</sup>.

+ Thiết kế, cấu tạo: Tường kết hợp xây gạch và bao tôn, mái lợp tôn, sàn đổ bê tông chống thấm.

b) Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường khác

- Chứa tại kho chứa chất thải phân lợn.

- Thiết bị lưu chứa: Bao bì chống thấm.

### 2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

a) Thiết bị lưu chứa: Bố trí tại mỗi khu vực có phát sinh 03 thùng chứa loại 30L để thu gom và phân loại chất thải rắn sinh hoạt ngay tại nguồn.

b) Kho lưu chứa: Không có.

- Chất thải có khả năng tái chế, tái sử dụng: Thu gom và bán phế liệu.

- Chất thải thực phẩm: Cho người dân xung quanh mang về để chăn nuôi.

- Chất thải rắn sinh hoạt khác: Thu gom, định kỳ cử cán bộ mang đến khu tập kết rác của khu vực.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

### 3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải

3.1. Xử lý xác lợn chết do dịch bệnh: Áp dụng các biện pháp xử lý theo hướng dẫn tại Thông tư số 07/2016/TTBNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn; QCVN 01-41:2011/BNNPTNT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật; theo hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trong đó ưu tiên tiêu hủy tại khu vực cơ sở và đảm bảo quy định sau:

- Đảm bảo khoảng cách an toàn đến khu nhà ở công nhân, khu chuồng nuôi, khu vực cách ly, khu vực khai thác nước sông, hồ, nước ngầm. Hồ chôn lấp được lót vật liệu chống thấm.

- Sau khi chôn lấp, bề mặt hồ và xung quanh khu vực chôn lấp phải được rải vôi bột, phun khử trùng để diệt mầm bệnh phát tán, đặt biển cảnh báo tại khu vực chôn lấp.

- Kịp thời thông báo cho cơ quan thú ý, chính quyền địa phương để phối hợp xử lý, giám sát quá trình tiêu hủy, xử lý lợn chết do dịch bệnh đảm bảo quy định pháp luật.

- Tóm tắt quy trình công nghệ tự xử lý (*sử dụng công nghệ chôn lấp*)

Đào hồ chôn → Rải vôi bột xuống đáy hồ → Đưa lợn chết xuống hồ → Phun thuốc sát trùng, rắc vôi bột → Lấp đất, nèn chặt → Rắc vôi bột, phun dung dịch khử trùng Clorine 2% trên bề mặt hồ chôn.

- Quy mô khu vực chôn lấp:

- + Số lượng: 01 hồ chôn lấp.

- + Diện tích: 75 m<sup>2</sup>.

### 3.2. Công trình xử lý, ủ phân lợn

- Khối lượng chất thải tự xử lý: 2,35 tấn/ngày.

- Tóm tắt quy trình công nghệ tự xử lý: Phân lợn tươi → Bể gom nước thải → Máy ép, tách phân → Phối trộn (*trấu, mùn cưa, chế phẩm EM*) → Ủ phân → Trộn vôi → Phân hữu cơ → Đóng bao → Lưu giữ tại nhà chứa phân → Bón cây tại trang trại cây ăn quả của Cơ sở hoặc bán, chuyển giao theo quy định.

## B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại các Điều 122, 124, 125 và 126 của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 của Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Đầu tư mua sắm trang, thiết bị, vật tư và chuẩn bị lực lượng phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải tại Cơ sở, thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, áp dụng phương án, biện pháp quản lý, kỹ thuật nhằm loại trừ, giảm thiểu nguy cơ xảy ra sự cố.

4. Định kỳ tổ chức tập huấn, huấn luyện và diễn tập ứng phó sự cố chất thải bảo đảm sẵn sàng ứng phó khi xảy ra sự cố.

5. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường để có biện pháp quản lý phù hợp.

6. Sự cố lợn chết và dịch bệnh: Đối với các trường hợp lợn chết do nghi ngờ bệnh có thể lây lan, Công ty cổ phần chăn nuôi Lộc Phát - BLLT phải báo cáo với chính quyền địa phương và cơ quan thú y để được hướng dẫn, xử lý theo quy định của pháp luật về thú y và tiến hành biện pháp xử lý tuân thủ quy định tại Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn; QCVN 01-41:2011/BNNPTNT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật.

**Phụ lục số 04****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 177/GPMT-UBND ngày 21/01/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**

- Bổ sung lắp đặt camera giám sát tại các khu vực của hệ thống xử lý nước thải, nhà vận hành hệ thống xử lý nước thải, nhà ép phân, bể lắng cặn. Truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường để quản lý, giám sát trước ngày 01/02/2025.

- Bổ sung đặt hệ thống quạt đẩy khí từ chuồng nuôi ra ngoài tránh khu nhà điều hành, nhà ở công nhân, lắp đặt hệ thống phun âm, khí sau khi ra khỏi chuồng nuôi gặp hơi nước sẽ không phát tán đi xa.

**D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

1. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp có thay đổi so với nội dung Giấy phép môi trường đã được cấp, phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường để xem xét, giải quyết.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

3. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định;



công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

**5. Khí thải, mùi hôi phát sinh từ hoạt động chăn nuôi**

- Lắp đặt hệ thống quạt đẩy khí từ chuồng nuôi ra ngoài tránh khu nhà điều hành, nhà ở công nhân, lắp đặt hệ thống phun ẩm, khí sau khi ra khỏi chuồng nuôi gặp hơi nước sẽ không phát tán đi xa. Do vậy khí và mùi khó chịu được khắc phục tốt và không gây tác động đáng kể cho môi trường.

- Thường xuyên xịt rửa chuồng nuôi tần suất tối thiểu 01 lần/01 ngày.

- Duy trì, chăm sóc diện tích cây xanh, cây ăn quả theo quy hoạch, đặc biệt diện tích cây xanh cách ly xung quanh các chuồng nuôi.

- Áp dụng các biện pháp quản lý, các biện pháp kỹ thuật kiểm soát triệt để, không phát tán khí thải, mùi hôi, đảm bảo chất lượng môi trường không khí bên ngoài chuồng nuôi và xung quanh Cơ sở khu chăn nuôi lợn tập trung luôn nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí và các quy chuẩn hiện hành có liên quan.

**6.** Việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trong hoạt động trồng cây ăn quả của cơ sở phải tuân thủ đúng quy định tại Thông tư số 09/2023/TT-BNNPTNT ngày 24/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam và Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam.

**7.** Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

**8.** Thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

**9.** Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.